

BỘ CÔNG THƯƠNG**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Số: 5632 /BCT-NL****Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2011**

V/v công bố định mức dự toán
khảo sát chuyên ngành xây
dựng công trình lưới điện
truyền tải

Kính gửi: Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia

Sau khi xem xét nội dung tờ trình số 1266/NPT-QLĐT ngày 23/5/2011 và văn bản giải trình bổ sung số 1348/NPT-QLĐT ngày 31/5/2011 của Tổng công ty Truyền tải điện quốc gia (NPT) về việc công bố các định mức dự toán chuyên ngành khảo sát xây dựng công trình lưới điện truyền tải, Bộ Công Thương có ý kiến như sau

1. Công bố kèm theo văn bản này danh mục định mức dự toán chuyên ngành công tác khảo sát đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không cấp điện áp 110kV và 220kV tại Phụ lục kèm theo.

2. Không áp dụng danh mục định mức dự toán công bố trên đối với các khối lượng công tác khảo sát đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không cấp điện áp 110kV và 220kV đã được nghiệm thu thanh quyết toán.

3. Căn cứ danh mục định mức dự toán được công bố trên đây, NPT xem xét chịu trách nhiệm áp dụng, vận dụng danh mục định mức dự toán để lập đơn giá công trình, lập và phê duyệt dự toán chi phí cho công tác đo vẽ tuyến đường dây tải điện trên không cấp điện áp 110kV và 220kV cho phù hợp với tình hình thực tế; kịp thời đề xuất các nội dung cần bổ sung, hiệu chỉnh khi cần thiết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVN;
- Lưu: VT, NL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Hoàng Quốc Vượng

PHỤ LỤC

Công bố kèm theo văn bản số 5.63.2BCT-NL ngày 24 tháng 6 năm 2011

ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN CÔNG TÁC KHẢO SÁT XÂY DỰNG CHUYÊN NGÀNH ĐO VẼ TUYẾN ĐƯỜNG DÂY 110kV và 220 kV

1. Nội dung công việc:

- Nhận nhiệm vụ, nhận tuyến ngoài thực địa.
- Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát, chuẩn bị dụng cụ, vật tư, trang thiết bị.
- Chôn cọc mốc, đo các điểm chi tiết trên tuyến và điểm địa vật trong hành lang tuyến (bình đồ 1/5000).
- Đo các góc trên tuyến, đo nối cao toạ độ quốc gia với tuyến.
- Đo bình đồ các tuyến giao chéo, các công trình quan trọng.
- Đo mặt cắt ngang tuyến ở những vùng núi có độ dốc $\geq 30^\circ$ về mỗi bên ít nhất 25m.
- Đo phân giao chéo trên không.
- Điều tra các đường thông tin, trạm thu phát sóng, sân bay, kho quân sự, đường giao thông và khu công nghiệp trong phạm vi hành lang tuyến về mỗi bên 5km.
- Điều tra cập nhật về cây lâu năm tồn tại trong hành lang tuyến và cạnh hành lang tuyến như loại cây, chiều cao cây khi phát triển tối đa.
- Điều tra cập nhật các công trình nhà cửa, vật kiến trúc, chuồng trại chăn nuôi tồn tại trong, cạnh hành lang tuyến mà cần phải thiết kế tiếp địa hoặc thiết kế cải tạo.
- Tính toán vẽ mặt cắt dọc, viết báo cáo khảo sát.

2. Điều kiện áp dụng:

- Cấp địa hình theo phụ lục.
- Các tuyến đường dây tải điện 220kV và 110kV:
 - + Khi khảo sát hai bước (khảo sát sơ bộ và khảo sát kỹ thuật phục vụ lập Dự án đầu tư và Thiết kế kỹ thuật) thì bước khảo sát sơ bộ các phương án tối ưu định mức được nhân với hệ số $K=0,3$ của định mức khảo sát kỹ thuật.
 - + Công tác cắm cọc trung gian phục vụ thiết kế bản vẽ thi công định mức được nhân với hệ số $K=0,2$ của định mức khảo sát kỹ thuật.
 - + Công tác phục hồi tuyến và bàn giao cho bên A định mức được nhân với hệ số $K=0,3$ của định mức khảo sát kỹ thuật.

3. Các công việc chưa tính trong định mức:

- Xác định cao toạ độ quốc gia phục vụ công trình.
- Công tác điều tra thu nhập khí tượng thuỷ văn trên tuyến.
- Công tác phục hồi tuyến và tổ chức bàn giao tuyến.
- Công tác cắm mốc trung gian trên toàn tuyến (sau TKKT được duyệt để thực hiện các bước tiếp theo).

4. Định mức:

4.1 Đo vẽ mặt cắt đường dây 110kV:

ĐVT: 100m

Thành phần hao phí	ĐVT	Cấp địa hình					
		I	II	III	IV	V	VI
Vật liệu:							
- Xi măng PC30	kg	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5	1,5
- Cát sỏi	m ³	0,016	0,016	0,016	0,016	0,016	0,016
- Thép ø8 – ø10	kg	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
- Cọc gỗ	cái	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
- Sỏi các loại	quyển	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
- Giấy kẻ ly	m	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2
- Giấy kẻ	m	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2
- Giấy vẽ	m	0,1	0,1	0,1	0,2	0,2	0,2
- Giấy trắng	tập	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
- Vật liệu khác	%	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0
Nhân công:							
- Cấp bậc thợ 4/7	công	5,4	6,12	6,75	7,2	7,4	8,37
Máy thi công:							
- Theo 020	ca	0,216	0,234	0,243	0,261	0,27	0,288
- Ống nhôm	ca	0,216	0,234	0,243	0,261	0,27	0,288
- Ni 030	ca	0,09	0,09	0,09	0,135	0,135	0,135
- Ô tô	ca	0,009	0,009	0,009	0,009	0,009	0,009

4.2. Đo vẽ mặt cắt đường dây 220kV:

DVT: 100m

Thành phần hao phí	ĐVT	Cấp địa hình					
		I	II	III	IV	V	VI
Vật liệu:							
- Xi măng PC30	kg	1,0	1,0	1,0	1,5	1,5	1,5
- Cát sỏi	m ³	0,01	0,01	0,01	0,016	0,016	0,016
- Thép ø8 – ø10	kg	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4	0,4
- Cọc gỗ	cái	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0
- Sỏi các loại	quyển	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7	0,7
- Giấy kẻ ly	m	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3
- Giấy can	m	0,2	0,2	0,2	0,3	0,3	0,3
- Giấy trắng	tập	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1
- Vật liệu khác	%	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0
Nhân công:							
- Cấp bậc thợ 4/7	công	6,6	7,02	7,92	8,73	9,09	9,99
Máy thi công:							
- Theo 020	ca	0,261	0,279	0,342	0,36	0,369	0,405
- Ống nhôm	ca	0,261	0,279	0,342	0,36	0,369	0,405
- Ni 030	ca	0,09	0,09	0,09	0,135	0,135	0,135
- Địa bàn	ca	0,16	0,216	0,243	0,261	0,279	0,315
- Ô tô	ca	0,009	0,009	0,009	0,009	0,009	0,009

Phụ lục

BẢNG PHÂN CẤP ĐỊA HÌNH CHO CÔNG TÁC ĐO VẼ CHI TIẾT BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH Ở TRÊN CẠN

Cấp I:

- Vùng đồng bằng chủ yếu ruộng màu khô ráo, thưa dân cư, quang đãng, đi lại dễ dàng, địa hình đơn giản.
- Vùng bằng phẳng của thung lũng sông chảy qua vùng trung du đồi thấp dưới 20m, cây cỏ thấp dưới 0,5m đi lại dễ dàng.

Cấp II:

- Vùng đồng bằng ruộng màu xen lẫn ruộng lúa nước không lầy lội, làng mạc thưa, có đường giao thông, mương máng, cột điện chạy qua khu đo.
- Vùng bằng phẳng chân đồi, vùng đồi thoải dưới 20m, cỏ cây mọc thấp, không vương tầm ngấm, chân núi có ruộng cấy lúa, trồng màu, không lầy lội, đi lại thuận tiện.

Cấp III:

- Vùng đồng bằng dân cư thưa, ít nhà cửa, vườn cây ăn quả, ao hồ, mương máng, cột điện.
- Vùng thị trấn nhỏ, nhà cửa thưa, độc lập.
- Vùng đồi sườn thoải, đồi cao dưới 30m, lác đác có bụi cây, lùm cây cao bằng máy, phải chặt phát, sườn đồi có ruộng trồng khoai, trồng sắn, có bậc thang, địa hình ít phức tạp.
- Vùng bằng phẳng Tây Nguyên, vùng có lau sậy, có vườn cây ăn quả, cây công nghiệp, độ chia cắt trung bình.
- Vùng ruộng lúa nước sinh lầy.

Cấp IV:

- Vùng thị trấn, vùng ngoại vi thành phố lớn, thủ đô nhiều nhà cửa, vườn cây rậm rạp, có công trình nổi và ngầm, hệ thống giao thông thủy bộ, lưới điện cao, hạ thế, điện thoại phức tạp.
- Vùng đồi núi cao dưới 50m xen lẫn có rừng thưa hoặc rừng trồng cây công nghiệp cao su, cà phê, sơn, bạch đàn... khi đo không được chặt phát hoặc hạn chế việc phát, địa hình tương đối phức tạp.
- Vùng bằng phẳng Tây Nguyên có nhiều vườn cây ăn quả không chặt phá được, nhiều bản làng, có rừng khộp bao phủ không quá 50%.
- Vùng bãi thủy triều lầy lội, sù vẹt mọc cao hơn tầm ngấm phải chặt phát.

Cấp V:

- Vùng thị xã, thành phố, thủ đô, mật độ người và xe đi lại đông đúc, tập nập, ảnh hưởng đến việc đo đạc, có công trình kiến trúc nổi và ngầm, hệ thống đường cống rãnh phức tạp.
- Vùng đồi núi cao dưới 100m, cây cối rậm rạp núi đá vôi tai mèo lởm chởm, nhiều vách đứng hay hang động phức tạp.

Cấp VI:

- Vùng rừng núi cao trên 100m, cây cối rậm rạp hoang vu hẻo lánh.
- Vùng bằng phẳng cao nguyên nơi biên giới, vùng khộp dày.
- Vùng biên giới hải đảo xa xôi, đi lại khó khăn, địa hình hết sức phức tạp.